TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI ĐÃ THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH
Khóa đại học D13 và cao đẳng C14

(Tính đến ngày 31/5/2017)
Hệ: ***Cao đẳng***

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
1	CD11400016	Nguyễn	An	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
2	CD11400080	Nguyễn Chí	Công	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
3	CD11400164	Nguyễn Duy	Doanh	**2**	-	-	-	-	2	-	-	**8**	C14_CDT01
4	CD11400163	Lê Văn	Dũ	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
5	CD11400182	Đặng Phước Khánh	Duy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
6	CD11400320	Hồ Thanh	Hải	**16**	-	-	-	-	16	-	-	**0**	C14_CDT01
7	CD11400322	Huỳnh Tuấn	Hải	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
8	CD11400839	Lưu Trí	Nguyên	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_CDT01
9	CD11401097	Khưu Văn Hoàng	Sang	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_CDT01
10	CD11401082	Nguyễn Đông	Sơn	**22**	-	-	-	-	22	-	-	**0**	C14_CDT01
11	CD11401167	Lê Minh	Thái	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
12	CD11401493	Trương Văn	Tịnh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_CDT01
1	CD31400183	Hồ Văn Thanh	Duy	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
2	CD31400394	Dương Hoàng	Hiếu	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
3	CD31400608	Võ Hữu	Lợi	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
4	CD31400679	Nguyễn Minh	Mẫn	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
5	CD31400716	Nguyễn Châu	Mỹ	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
6	CD31400731	Châu Hoài	Nam	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_DDT01
7	CD31400876	Nguyễn Thế	Nhân	**25**	-	-	-	-	25	-	-	**0**	C14_DDT01
8	CD31400996	Lê Trần Đình	Phúc	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
9	CD31401148	Trần Tấn	Tài	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_DDT01
10	CD31401498	Lê Thanh	Tuấn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_DDT01
11	CD31401565	Lăng Chấn	Vinh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_DDT01
1	CD41400065	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**8.5**	C14_VT01
2	CD41400186	Nguyễn Anh	Duy	**22.5**	-	2	-	-	20	0.5	-	**0**	C14_VT01
3	CD41400892	Hoàng Ngọc	Nhi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_VT01
4	CD41401112	Nguyễn Thanh	Tâm	**34**	-	-	-	-	34	-	-	**0**	C14_VT01
1	CD51400060	Dương Gia	Bảo	**11.5**	-	2.5	-	-	9	-	-	**0**	C14_TH01
2	CD51400073	Nguyễn Văn Ru	Bi	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_TH01

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
3	CD51400133	Bùi Viết	Chinh	**4**	-	2	-	-	2	-	-	**6**	C14_TH01
4	CD51400079	Lê Thành	Công	**1.5**	-	0.5	-	-	1	-	-	**8.5**	C14_TH01
5	CD51400150	Lê Thành	Danh	**2.5**	-	0.5	-	-	2	-	-	**7.5**	C14_TH01
6	CD51400206	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	**17**	-	4.5	-	-	12.5	-	-	**0**	C14_TH01
7	CD51400221	Huỳnh Lê Tuấn	Đạt	**16.5**	-	5.5	-	-	11	-	-	**0**	C14_TH01
8	CD51400225	Lê Văn	Đạt	**10.5**	-	-	-	-	10.5	-	-	**0**	C14_TH01
9	CD51400211	Nguyễn Huỳnh Hải	Đăng	**15**	-	4.5	-	-	10.5	-	-	**0**	C14_TH01
10	CD51400456	Nguyễn Văn	Hòa	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
11	CD51400443	Võ Thanh	Hoàng	**15**	-	1.5	-	-	13.5	-	-	**0**	C14_TH01
12	CD51400415	Ngô Tấn	Hưng	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_TH01
13	CD51401724	Trương Hoàng	Khang	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
14	CD51400543	Nguyễn Duy Đăng	Khoa	**2**	-	-	-	-	2	-	-	**8**	C14_TH01
15	CD51400556	Bùi Hữu	Khuyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
16	CD51401648	Lê Văn Tân	Long	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
17	CD51401649	Nguyễn Thành	Long	**11.5**	-	2	-	-	9.5	-	-	**0**	C14_TH01
18	CD51400658	Lương Minh	Luân	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_TH01
19	CD51301805	Nguyễn Tiến	Lực	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
20	CD51400678	Nguyễn Minh	Mẫn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
21	CD51401652	Đậu Văn	Pháp	**20**	-	-	-	-	20	-	-	**0**	C14_TH01
22	CD51401019	Lâm Thanh	Phong	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**8.5**	C14_TH01
23	CD51401791	Phan Thịnh	Phú	**14**	-	3.5	-	-	10.5	-	-	**0**	C14_TH01
24	CD51401006	Phùng Kim	Phúc	**31.5**	-	-	-	-	31.5	-	-	**0**	C14_TH01
25	CD51401132	Đỗ Hớn	Tài	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
26	CD51401172	Phạm Nguyễn Xuân	Thái	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
27	CD51401190	Trần Gia	Thành	**15**	-	3.5	-	-	11.5	-	-	**0**	C14_TH01
28	CD51401232	Lê Bá	Thọ	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
29	CD51401654	Nguyễn Phạm Xuân	Thủy	**10.5**	-	0.5	-	-	10	-	-	**0**	C14_TH01
30	CD51401447	Trần Thị Việt	Trinh	**17.5**	-	4.5	-	-	13	-	-	**0**	C14_TH01
31	CD51401467	Ngô Minh	Trung	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
32	CD51401589	Bùi Trần Viết Long	Vĩ	**2**	-	1	-	-	1	-	-	**8**	C14_TH01
33	CD51401571	Phạm Quang	Vinh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TH01
1	CD61400124	Phạm Thị Mỹ	Chi	**5**	-	2	-	-	3	-	-	**5**	C14_TP01
2	CD61400137	Phan Ngọc Hồng	Cúc	**38**	30	3	-	-	5	-	-	**0**	C14_TP01
3	CD61400188	Nguyễn Huỳnh	Duy	**31**	30	-	-	-	1	-	-	**0**	C14_TP01
4	CD61400202	Nguyễn La Mỹ	Duyên	**10**	-	2	-	-	8	-	-	**0**	C14_TP01

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
5	CD61400214	Huỳnh Hồng	Đào	**7**	-	2	-	-	5	-	-	**3**	C14_TP01
6	CD61400254	Nguyễn Thị	Gấm	**12**	-	2	-	-	10	-	-	**0**	C14_TP01
7	CD61400422	Hoàng Thị Thu	Hoài	**7**	-	1	-	1	5	-	-	**3**	C14_TP01
8	CD61400356	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	**11**	-	3	-	-	8	-	-	**0**	C14_TP01
9	CD61400465	Nguyễn Thị Bích	Huệ	**30**	30	-	-	-	-	-	-	**0**	C14_TP01
10	CD61400416	Nguyễn Nhật	Hưng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TP01
11	CD61400571	Trương Thanh	Kiều	**9**	-	2	-	-	7	-	-	**1**	C14_TP01
12	CD61400560	Lê Thị Thiên	Kim	**2**	-	1	-	-	1	-	-	**8**	C14_TP01
13	CD61400724	Nguyễn Thị Tố	My	**6**	-	1	-	-	5	-	-	**4**	C14_TP01
14	CD61400725	Phạm Hoàng	My	**9**	-	3	-	-	6	-	-	**1**	C14_TP01
15	CD61400748	Vũ Thị	Ngát	**11.5**	-	-	-	-	11.5	-	-	**0**	C14_TP01
16	CD61400782	Võ Thị Thu	Ngân	**38**	31	2	-	-	5	-	-	**0**	C14_TP01
17	CD61400805	Phan Thị	Ngọc	**10**	-	3	-	-	7	-	-	**0**	C14_TP01
18	CD61301860	Trần Thị Yến	Nhi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TP01
19	CD61400857	Phạm Thị Quỳnh	Như	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TP01
20	CD61400866	Võ Ngọc Minh	Như	**11.5**	-	2	-	-	9.5	-	-	**0**	C14_TP01
21	CD61400937	Trương Hoàng	Oanh	**8**	-	3	-	-	5	-	-	**2**	C14_TP01
22	CD61400953	Lâm Tú	Phương	**10**	-	2	-	-	8	-	-	**0**	C14_TP01
23	CD61401111	Nguyễn Phụng Hoàng	Tâm	**10**	-	1	-	-	9	-	-	**0**	C14_TP01
24	CD61401123	Lương Hoàng Trọng	Tân	**39**	30	2	-	-	7	-	-	**0**	C14_TP01
25	CD61401210	Phan Thị Hồng	Thắm	**12**	-	1	-	-	11	-	-	**0**	C14_TP01
26	CD61401303	Lê Thị Cẩm	Tiên	**5**	-	1	-	-	4	-	-	**5**	C14_TP01
27	CD61401658	Huỳnh Ngọc Bảo	Trang	**12**	-	3	-	-	9	-	-	**0**	C14_TP01
28	CD61401390	Trương Thị Ngọc	Trân	**34**	30	-	-	-	4	-	-	**0**	C14_TP01
29	CD61401490	Trần Ngọc	Trí	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_TP01
30	CD61401561	Phạm Ngọc Tuyết	Vi	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_TP01
1	CD71400034	Nguyễn Hồ Mai	Anh	**13**	-	-	-	-	13	-	-	**0**	C14_KD01
2	CD71400039	Nguyễn Thị Kim	Anh	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
3	CD71400005	Nguyễn Thị Kim	ánh	**11**	-	-	-	1	10	-	-	**0**	C14_KD01
4	CD71400071	Nguyễn Thị	Bọt	**12**	-	-	-	-	12	-	-	**0**	C14_KD01
5	CD71400110	Trần Ngọc Bảo	Châu	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
6	CD71401774	Trương Minh	Châu	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
7	CD71400123	Phạm Thị Mỹ	Chi	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
8	CD71400142	Nguyễn Đại	Dương	**18**	-	-	-	1	17	-	-	**0**	C14_KD01
9	CD71400237	Vũ Thành	Đạt	**17**	-	5	-	1	11	-	-	**0**	C14_KD01

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
10	CD71400318	Đỗ Huy	Hải	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD01
11	CD71400311	Dư Trí	Hào	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**2**	C14_KD01
12	CD71301706	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KD01
13	CD71400360	Trần Thị Tuyết	Hồng	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
14	CD71400474	Lâm Thiên	Huy	**3**	-	-	-	-	3	-	-	**7**	C14_KD01
15	CD71400528	Nguyễn Hoài Đăng	Khang	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD01
16	CD71400515	Huỳnh Ngô Ngọc	Khương	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD01
17	CD71400588	Trịnh Phương	Lan	**7**	-	-	-	-	7	-	-	**3**	C14_KD01
18	CD71400619	Lê Xuân	Linh	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD01
19	CD71400640	Trần Nhuệ	Loan	**14**	-	-	-	-	14	-	-	**0**	C14_KD01
20	CD71400721	Lê Phước	My	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**2**	C14_KD01
21	CD71400774	Trương ái Kim	Ngân	**13**	-	-	-	-	13	-	-	**0**	C14_KD01
22	CD71400795	Lê Bá	Ngọc	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD01
23	CD71400837	Lê Thị Kim	Nguyên	**12**	-	-	-	1	11	-	-	**0**	C14_KD01
24	CD71400919	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhung	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
25	CD71400923	Phan Hồng	Nhung	**12**	-	-	-	-	12	-	-	**0**	C14_KD01
26	CD71400936	Tạ Khải	Oanh	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
27	CD71400970	Võ Thế	Phi	**2**	-	-	-	-	2	-	-	**8**	C14_KD01
28	CD71401008	Trần Đại	Phúc	**12**	-	1	-	-	6	-	5	**0**	C14_KD01
29	CD71401058	Trần Bảo	Quỳnh	**19**	-	-	-	1	18	-	-	**0**	C14_KD01
30	CD71401118	Phạm Huỳnh Xuân	Tâm	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**2**	C14_KD01
31	CD71401186	Nguyễn Thái Đức	Thành	**22**	-	-	-	-	22	-	-	**0**	C14_KD01
32	CD71401202	Nguyễn Thị Yến	Thảo	**9**	-	-	-	-	9	-	-	**1**	C14_KD01
33	CD71401703	Tôn Diễm	Thư	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**2**	C14_KD01
34	CD71401304	Lê Thị Mỹ	Tiên	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD01
35	CD71401311	Nguyễn Thụy Thủy	Tiên	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
36	CD71401436	Nguyễn Thị Mai	Trinh	**13**	-	-	-	-	10	3	-	**0**	C14_KD01
37	CD71401775	Cao Hoàng	Tú	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD01
38	CD71401356	Trương Cẩm	Tú	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD01
39	CD71401598	Hoàng Hà	Vy	**22**	-	-	-	-	22	-	-	**0**	C14_KD01
40	CD71401627	Dương Ngọc	Yến	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
41	CD71401624	Đào Minh	Yến	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD01
1	CD71400224	Lê Phan Tấn	Đạt	**21**	-	10	-	-	11	-	-	**0**	C14_KD02
2	CD71400278	Đào Thị Ngọc	Hân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
3	CD71400484	Nguyễn Văn	Huy	**16**	-	-	-	-	16	-	-	**0**	C14_KD02

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
4	CD71400511	Phùng Gia	Khánh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
5	CD71400589	Nguyễn Thị	Lên	**12**	-	-	-	-	12	-	-	**0**	C14_KD02
6	CD71401778	Huỳnh Trúc	Liên	**18.5**	-	-	-	1	17.5	-	-	**0**	C14_KD02
7	CD71401646	Nguyễn Phạm	Lin-Đa	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
8	CD71400617	Lê Thị Phương	Linh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
9	CD71400629	Nguyễn Trần Quỳnh	Linh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
10	CD71400662	Phạm Minh	Luân	**4**	-	-	-	-	4	-	-	**6**	C14_KD02
11	CD71400665	Trần Hoàn Anh	Luân	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KD02
12	CD71400672	Huỳnh	Mai	**17**	-	-	-	-	17	-	-	**0**	C14_KD02
13	CD71400684	Nguyễn Thảo	Mi	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KD02
14	CD71400737	Nguyễn Hoàng	Nam	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
15	CD71400790	Võ Thị Bích	Nga	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KD02
16	CD71400803	Phạm Thị Hồng	Ngọc	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
17	CD71400841	Nguyễn Phúc	Nguyên	**16**	-	-	-	-	16	-	-	**0**	C14_KD02
18	CD71401032	Cống Nhật	Phu	**15**	-	10	-	-	5	-	-	**0**	C14_KD02
19	CD71400959	Nguyễn Lam	Phương	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
20	CD71400980	Nguyễn Khánh	Phượng	**15**	-	5	10	-	-	-	-	**0**	C14_KD02
21	CD71400983	Trần Thị Thanh	Phượng	**15**	-	1	-	-	14	-	-	**0**	C14_KD02
22	CD71401062	Nguyễn Hoàng	Quí	**17**	-	-	-	-	17	-	-	**0**	C14_KD02
23	CD71401060	Trần Trúc	Quỳnh	**18.5**	-	1	-	-	17.5	-	-	**0**	C14_KD02
24	CD71401083	Nguyễn Hoàng	Sơn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
25	CD71401094	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	**29**	-	-	-	-	29	-	-	**0**	C14_KD02
26	CD71401740	Ngụy Như	Thắng	**18**	-	1	-	3	14	-	-	**0**	C14_KD02
27	CD71401225	Trần Quốc	Thắng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
28	CD71401306	Ngô Thị Mỹ	Tiên	**11**	-	-	9	-	2	-	-	**0**	C14_KD02
29	CD71401308	Nguyễn Ngọc Xuân	Tiên	**34**	-	10	-	-	24	-	-	**0**	C14_KD02
30	CD71401334	Nguyễn Mậu	Tiến	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**9.5**	C14_KD02
31	CD71401400	Nguyễn Ngọc Hương	Trang	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KD02
32	CD71401370	Hồ Thị Bích	Trâm	**16**	-	-	-	-	16	-	-	**0**	C14_KD02
33	CD71401377	Nguyễn Thị Bích	Trâm	**15**	-	5	10	-	-	-	-	**0**	C14_KD02
34	CD71401548	Phan Thị Thục	Uyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KD02
35	CD71401541	Võ Hoàng	Ước	**18**	-	-	-	-	18	-	-	**0**	C14_KD02
36	CD71401599	Huỳnh Ngọc Khánh	Vy	**22.5**	-	-	-	-	22.5	-	-	**0**	C14_KD02
37	CD71401611	Võ Huỳnh Thanh	Vy	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KD02
38	CD71401706	Lê Tuấn	Vỹ	**36**	-	10	5	-	21	-	-	**0**	C14_KD02

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
39	CD71401694	Võ Hoàng Thanh	Xuân	**15**	-	5	10	-	-	-	-	**0**	C14_KD02
40	CD71401636	Trần Thị Ngọc	Yến	**4**	-	-	-	-	4	-	-	**6**	C14_KD02
1	CD71400174	Vũ Quốc	Dũng	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KT01
2	CD71400205	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KT01
3	CD71400262	Lê Thị Cẩm	Giang	**13**	-	-	-	-	13	-	-	**0**	C14_KT01
4	CD71400324	Lý Trần Hoàng	Hải	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KT01
5	CD71400274	Trần Thị Thanh	Hằng	**13**	-	-	-	-	13	-	-	**0**	C14_KT01
6	CD71400459	Trần Thị Phương	Hòa	**12**	-	-	-	-	12	-	-	**0**	C14_KT01
7	CD71400450	Hồ Trần Ngọc	Hoan	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KT01
8	CD71400354	Ngô Phượng	Hồng	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KT01
9	CD71400494	Dương Thị Thu	Huyền	**11.5**	-	-	-	-	11.5	-	-	**0**	C14_KT01
10	CD71400722	Nguyễn Đoàn Trúc	My	**22.5**	-	-	-	-	22.5	-	-	**0**	C14_KT01
11	CD71400757	Lê Thị Kim	Ngân	**15**	-	-	-	-	15	-	-	**0**	C14_KT01
12	CD71400767	Nguyễn Thị Trung	Ngân	**10**	10	-	-	-	-	-	-	**0**	C14_KT01
13	CD71400797	Lê Thị Thanh	Ngọc	**13**	-	-	-	-	13	-	-	**0**	C14_KT01
14	CD71401729	Nguyễn Yến	Nhi	**12.5**	-	-	-	-	12.5	-	-	**0**	C14_KT01
15	CD71400922	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	**15.5**	-	-	-	-	15.5	-	-	**0**	C14_KT01
16	CD71401031	Trần Thị Vân	Phụng	**10.5**	-	-	-	-	10.5	-	-	**0**	C14_KT01
17	CD71301887	Trần Thị Thiên	Phước	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_KT01
18	CD71401054	Đỗ Thị Trang	Quỳnh	**14**	-	-	-	-	14	-	-	**0**	C14_KT01
19	CD71401093	Lê Diệp	Sương	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_KT01
20	CD71401195	Đoàn Thị	Thảo	**10.5**	-	-	-	-	10.5	-	-	**0**	C14_KT01
21	CD71401222	Phạm Đại	Thắng	**11**	-	-	-	-	11	-	-	**0**	C14_KT01
22	CD71401319	Trương Thị Thủy	Tiên	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KT01
23	CD71401659	Lê Xuân	Trang	**10**	-	1	-	-	9	-	-	**0**	C14_KT01
24	CD71401435	Nguyễn Thị Băng	Trinh	**14**	13	-	-	-	1	-	-	**0**	C14_KT01
25	CD71401444	Trần Ngọc Phương	Trinh	**11.5**	-	-	-	-	11.5	-	-	**0**	C14_KT01
26	CD71401448	Trần Thị Yến	Trinh	**11**	10	-	-	-	1	-	-	**0**	C14_KT01
27	CD71401455	Bùi Thanh	Trúc	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_KT01
28	CD71401526	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	**12.5**	10	-	-	-	2.5	-	-	**0**	C14_KT01
1	CD81400021	Phạm Trường	An	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
2	CD81400058	Phùng Lương Phương	Bình	**11**	-	11	-	-	-	-	-	**0**	C14_XD01
3	CD81400328	Phạm Minh	Hải	**3**	-	-	-	-	3	-	-	**7**	C14_XD01
4	CD81400308	Phùng Chí	Hành	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
5	CD81400363	Nguyễn Phước	Hội	**14.5**	-	14	-	-	0.5	-	-	**0**	C14_XD01

Stt	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung							Số ngày CTXH cần thực hiện	Tên lớp
					5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7		
6	CD81301787	Nguyễn Hữu	Lộc	**5**	-	-	-	1	4	-	-	**5**	C14_XD01
7	CD81400607	Trần Vĩnh	Lợi	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_XD01
8	CD81400773	Thạch Nguyễn Thái	Ngân	**10**	-	-	-	-	10	-	-	**0**	C14_XD01
9	CD81401728	Lê Ngọc	Nhất	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**8.5**	C14_XD01
10	CD81400995	Lê Thanh	Phúc	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**9**	C14_XD01
11	CD81401080	Cao Hoàng	Sơn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
12	CD81401192	Trần Quốc	Thành	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
13	CD81201668	Lê Hữu	Thiện	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
14	CD81401742	Nguyễn Đình	Thuận	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
15	CD81401331	Huỳnh Văn	Tiền	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
16	CD81401473	Võ Xuân	Trung	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
17	CD81401355	Nguyễn Văn	Tú	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
18	CD81401503	Nguyễn Minh	Tuấn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
19	CD81401326	Ngô Thanh	Tùng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01
20	CD81401590	Mai Đình	Vĩ	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**	C14_XD01

**Ghi chú:*

5.1: Chiến dịch tình nguyện

5.2: Bảo vệ môi trường

5.3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,…

5.4: Hiến máu nhân đạo

5.5: Các hoạt động công tác xã hội khác

5.6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai

5.7: Các lớp học tình thương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2017

Người lập bảng | **Phó phòng Công tác Sinh viên**

Đã ký | Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân | **ThS. Lê Thị Phương Hằng**